

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TÀI LIỆU SỐ 7
TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN



Năm 2018
(Lưu hành nội bộ)

MỤC LỤC

Phần 1 TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ NÔNG THÔN MỚI.....	4
I. Tuyên truyền 19 tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	4
1. Tiêu chí Quy hoạch.....	4
2. Tiêu chí Giao thông	4
3. Tiêu chí Thủy lợi	4
4. Tiêu chí Điện	4
5. Tiêu chí Trường học:	5
6. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa	5
7. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	5
8. Tiêu chí Thông tin và truyền thông	5
9. Tiêu chí Nhà ở dân cư	5
10. Tiêu chí Thu nhập.....	5
11. Tiêu chí Hộ nghèo	6
12. Tiêu chí Lao động có việc làm	6
13. Tiêu chí Tổ chức sản xuất.....	6
14. Tiêu chí Giáo dục và đào tạo	6
15. Tiêu chí Y tế	6
16. Tiêu chí Văn hóa.....	6
17. Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm	6
18. Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.....	7
19. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh.....	7
II. Tuyên truyền 08 tiêu chuẩn áp văn hóa nông thôn mới.....	8
1. Thực hiện đúng theo quy hoạch của xã về hạ tầng, sản xuất, dân cư.....	8
2. Các công trình kinh tế - xã hội đạt chuẩn:	8
3. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển:	8
4. Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú	8
5. Môi trường cảnh quan sạch đẹp.....	9
6. Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	9
7. Chi bộ đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh”; các tổ chức đoàn thể đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.....	10
8. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cộng đồng	10
III. Tuyên truyền 08 tiêu chuẩn gia đình Văn hóa, nông thôn mới	10
1. Gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương:	10
2. Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng: ..	10

3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả:	11
4. Nhà ở và khu sản xuất được thực hiện theo đúng quy hoạch của địa phương.	11
5. Không còn hộ ở trong nhà tạm, giữ gìn vệ sinh phòng bệnh; nhà ở ngăn nắp, khuôn viên nhà xanh - sạch - đẹp; sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh để sinh hoạt.....	11
6. Nhà tắm, hố xí và chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, không làm ảnh hưởng đến các hộ dân lân cận và đảm bảo đạt 3 sạch (sạch nhà – sạch bếp – sạch ngõ).	11
7. 100 % số người trong hộ có bảo hiểm y tế.	11
8. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên đạt từ 90% trở lên; có ít nhất 40% lao động trong hộ có việc làm qua đào tạo.	11
IV. Tuyên truyền 09 tiêu chí đạt huyện nông nông thôn:	11
1. Tiêu chí Quy hoạch:	11
2. Tiêu chí Giao thông:	11
3. Tiêu chí Thủy lợi:	12
4. Tiêu chí Điện:	12
5. Tiêu chí Y tế - Văn hóa - Giáo dục:	12
6. Tiêu chí Sản xuất:	12
7. Tiêu chí Môi trường:	13
8. Tiêu chí An ninh, trật tự xã hội:	13
9. Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:	13
V. Trách nhiệm của Nhà nước và người dân trong xây dựng nông thôn mới.....	13
Phần 2 TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ KINH TẾ HỢP TÁC	24
I. Tài liệu tuyên truyền về Hợp tác xã	24
1 Khái niệm về hợp tác xã	24
2. Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã:	27
II. Tuyên truyền về Tổ hợp tác	28
1. Vai trò, tầm quan trọng của Tổ hợp tác trong sản xuất, kinh doanh	28
2. Định nghĩa về Tổ hợp tác	28
3. Bộ máy của Tổ hợp tác.....	28
4. Điều kiện tham gia Tổ hợp tác	28
5. Quy trình thành lập Tổ hợp tác.....	28
6. Chấm dứt tư cách thành viên khi.....	29
Phần 3 CÁC VĂN BẢN THAM KHẢO.....	30

Phần 1

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ NÔNG THÔN MỚI

I. Tuyên truyền 19 tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

1. Tiêu chí quy hoạch

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn (quy hoạch đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn).

1.2. Có ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch.

2. Tiêu chí giao thông

2.1. 100% km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, cụ thể: Cấp A: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m (6m) hoặc cấp B: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m (3m), chiều rộng nền đường tối thiểu 5m (4m).

2.2. 50% km đường trục áp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, cụ thể: Cấp B như trên hoặc cấp C: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3m (2m), chiều rộng nền đường tối thiểu 4m (3m).

2.3. 100% km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và phải có 50% cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, cụ thể: Cấp D: Chiều rộng mặt đường tối thiểu 1,5m, chiều rộng nền đường tối thiểu 2m.

2.4. 50% km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, cụ thể: Cấp A.

3. Tiêu chí thủy lợi

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên; riêng đối với vùng sản xuất tập trung đạt 100%. Chủ động ứng phó với triều cường, xâm nhập mặn.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

4. Tiêu chí điện

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Có 98% số hộ trở lên sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

5. Tiêu chí trường học

Có 70% trở lên số trường học các cấp (mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở) có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

6. Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể của toàn xã, cụ thể:

- Hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 200 chỗ ngồi (các xã đặc biệt khó khăn, xã đảo tối thiểu 100 chỗ ngồi) và phải có ít nhất 02 phòng chức năng gồm: phòng hành chính - Thông tin truyền thanh; phòng đọc sách, báo, thư viện.

- Có sân thể thao phục vụ sinh hoạt thể thao của toàn xã. Về lâu dài phải đảm bảo đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. Tỷ lệ ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng, cụ thể: Có nhà văn hóa từ 100 chỗ ngồi trở lên. Riêng ấp ở các xã đặc biệt khó khăn, xã đảo từ 50 chỗ ngồi trở lên.

7. Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Xã có chợ nông thôn theo qui hoạch được phê duyệt hoặc nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa (nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa: Tổng diện tích từ 1000m² và có các bộ phận phụ trợ như nhà vệ sinh, nơi đậu xe đảm bảo trật tự an toàn, sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải, hệ thống thoát nước, thiết bị PCCC và có ban quản lý chợ). Riêng các chợ hiện có trên địa bàn các xã có diện tích chợ dưới 1.000m² nhưng đảm bảo đầy đủ các công trình phụ trợ thì vẫn xem xét, công nhận đạt tiêu chí.

8. Tiêu chí thông tin và truyền thông

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên đúng theo quy định.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

9. Tiêu chí nhà ở dân cư

9.1. Nhà tạm, nhà dột nát; hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm xem xét, đánh giá công nhận.

9.2. Có 70% số hộ trở lên có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.

10. Tiêu chí thu nhập

- Năm 2016: ≥ 33 triệu đồng/người/năm.

- Năm 2017: ≥ 37 triệu đồng/người/năm.

- Năm 2018: ≥ 41 triệu đồng/người/năm.

- Năm 2019: ≥ 45 triệu đồng/người/năm.

- Năm 2020: ≥ 50 triệu đồng/người/năm.

11. Tiêu chí hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đạt từ 4% trở xuống.

12. Tiêu chí lao động có việc làm

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

13. Tiêu chí tổ chức sản xuất

13.1. Có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

13.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

13.3. Giá trị sản xuất bình quân 1 ha đất nông nghiệp đạt trên 110 triệu đồng/năm.

14. Tiêu chí giáo dục và đào tạo

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

14.2. Có 80% trở lên học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).

14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 40% trở lên.

15. Tiêu chí y tế

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 86,5% trở lên.

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt từ 20,5% trở xuống.

16. Tiêu chí văn hóa

16.1. Có từ 70% số ấp trở lên được công nhận Ấp Văn hóa và Ấp nông thôn mới;

16.2. Xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

17. Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm

17.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 95% trở lên. Trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo chuẩn quốc gia đạt từ 65% trở lên.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%.

17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn (Các khu vực công cộng không có hành vi xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất

mỹ quan; hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ).

17.4. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã; đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng; mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt từ 70% trở lên.

17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt từ 70% trở lên.

17.8. 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

17.9. Tất cả các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đảm bảo xanh - sạch - đẹp.

18. Tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

18.4. 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

18.7. Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã có Nghị quyết và Kế hoạch hằng năm về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

18.8. Có 85% dân số trong độ tuổi tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp.

18.9. Hoàn thành các chỉ tiêu của cấp trên giao hàng năm.

19. Tiêu chí quốc phòng và an ninh

19.1 Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

II. Tuyên truyền 08 tiêu chuẩn ấp văn hóa nông thôn mới

1. Thực hiện đúng theo quy hoạch của xã về hạ tầng, sản xuất, dân cư

Thực hiện đúng theo quy hoạch của xã về hạ tầng, sản xuất, dân cư

2. Các công trình kinh tế - xã hội đạt chuẩn

2.1. Giao thông: 70% số đường trục ấp được cứng hóa đạt chuẩn; 100% đường ngõ, xóm không lầy lội vào mùa mưa; 65% đường trục chính ra đồng được cứng hóa;

2.2. Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi trên địa bàn đáp ứng cơ bản yêu cầu về sản xuất và dân sinh;

2.3. Điện: 98% số hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn;

2.4. Cơ sở vật chất trường học trên địa bàn đạt chuẩn (nếu có);

2.5. Có nhà văn hóa, khu thể thao đạt theo qui định của Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh;

2.6. Không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở; có 80% nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

3. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển

3.1. Về thu nhập: Mức thu nhập bình quân của ấp cao hơn hoặc bằng mức thu nhập bình quân chung của xã;

3.2. Thực hiện tốt cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”. Tỷ lệ hộ nghèo nhỏ hơn hoặc bằng 4%;

3.3. Có nhiều hoạt động hiệu quả: Về tuyên truyền, phổ biến và ứng dụng khoa học - kỹ thuật; phát triển nghề truyền thống; hợp tác và liên kết phát triển kinh tế;

3.4. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên trong độ tuổi lao động đạt từ 90% trở lên; Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 40% trở lên;

3.5. Có 100% hộ gia đình tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở cộng đồng.

4. Đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phong phú

4.1. Có quy ước, hương ước của cộng đồng và thực hiện đầy đủ các công trình lịch sử, văn hóa, cảnh quan được tôn tạo và bảo vệ;

4.2. Duy trì phong trào văn hóa, thể thao, thu hút 40% trở lên số người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng;

4.3. Có 100% hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan;

4.4. Không phát sinh thêm người mắc tệ nạn xã hội (nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, tàng trữ ma túy...) và không có người sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại;

4.5. Có 90% trở lên hộ gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa, nông thôn mới”; trong đó, có ít nhất có 50% gia đình được cấp giấy công nhận liên tục 3 năm liền;

4.6. 100% trẻ trong độ tuổi được đến trường; giữ vững đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; có phong trào “khuyến học, khuyến tài”;

4.7. Không có vi phạm quy định về áp dụng các biện pháp phòng chống dịch theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người; có từ 95% trẻ em trở lên được tiêm chủng và phụ nữ có thai được khám định kỳ; có 90% số hộ trong ấp có bảo hiểm y tế và thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hàng năm dưới mức bình quân chung của tỉnh; 100% hộ gia đình cam kết thực hiện sản xuất, kinh doanh an toàn thực phẩm.

4.8. Có nhiều hoạt động đoàn kết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các công trình công cộng; bảo tồn các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương.

5. Môi trường cảnh quan sạch đẹp

5.1. Có tổ thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo đúng quy định;

5.2. Có 95% trở lên hộ sử dụng nước hợp vệ sinh (trong đó 65% hộ sử dụng nước sạch); 85% hộ có nhà tắm, hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường;

5.3. Nhà ở khu dân cư, các công trình công cộng, nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch;

5.4. Không có các hoạt động làm suy giảm môi trường; kênh, mương, ao hồ không bị ô nhiễm; đường làng, ngõ xóm sạch sẽ, thông thoáng; thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường sinh thái; vận động nhân dân xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước; cải tạo các ao, hồ sinh thái; trồng cây xanh.

6. Chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

6.1. Có 100% hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

6.2. Hoạt động hòa giải có hiệu quả; 100% mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng;

6.3. Đảm bảo an ninh chính trị; không xảy ra tội phạm nghiêm trọng, kiểm chế, giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác so với năm trước; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phản ánh kịp thời những

đề xuất, kiến nghị của nhân dân, giải quyết những vấn đề bức xúc ở cơ sở, cộng đồng dân cư; không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật; không xảy ra tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật.

7. Chi bộ đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh”; các tổ chức đoàn thể đạt danh hiệu tiên tiến trở lên

Chi bộ Đảng, chính quyền đạt “Trong sạch, vững mạnh”; các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả và đạt từ khá trở lên, theo tiêu chuẩn quy định của tổ chức đoàn thể Trung ương.

8. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cộng đồng

8.1. Có phong trào giúp nhau giảm nghèo, cải thiện, nâng cấp nơi ăn, ở phù hợp với tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới;

8.2. Thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước, phát triển phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, nhằm chăm sóc các gia đình chính sách, người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức bình quân chung;

8.3. Thực hiện tốt các hoạt động “Nhân đạo từ thiện”, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, gia đình khó khăn, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, nạn nhân chất độc da cam - dioxin và những người bất hạnh.

III. Tuyên truyền 08 tiêu chuẩn gia đình Văn hóa, nông thôn mới

1. Gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương

1.1. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân; không vi phạm pháp luật Nhà nước, quy định của địa phương và quy ước, hương ước cộng đồng;

1.2. Thực hiện tốt vệ sinh, bảo vệ môi trường; nếp sống văn hóa nơi công cộng; bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan của địa phương; tích cực tham gia các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư;

1.3. Không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại.

1.4. Tham gia thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua; các sinh hoạt, hội họp ở cộng đồng; tích cực tham gia phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh trật tự; không có thành viên trong gia đình phạm pháp hình sự, mắc các tệ nạn xã hội.

2. Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng

2.1. Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; thực hiện bình đẳng giới; vợ chồng thực hiện sinh và có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan;

2.2. Gia đình nề nếp; ông bà, cha mẹ gương mẫu; con cháu thảo hiền; giữ gìn các giá trị văn hóa gia đình truyền thống, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa mới về gia đình;

2.3. Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao, gia đình không phải là hộ nghèo, cận nghèo;

2.4. Tích cực tham gia chương trình xóa đói, giảm nghèo; đoàn kết tương trợ xóm giềng, giúp đỡ đồng bào hoạn nạn; hưởng ứng, tham gia thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và các hoạt động nhân đạo khác ở cộng đồng.

3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả

3.1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường đạt 100%, chăm ngoan, hiếu học;

3.2. Có kế hoạch phát triển kinh tế gia đình, chủ động “Xóa đói giảm nghèo”, năng động làm giàu chính đáng; kinh tế gia đình ổn định, thực hành tiết kiệm; thu nhập ổn định;

3.3. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các thành viên trong gia đình ngày càng nâng cao.

4. Nhà ở và khu sản xuất được thực hiện theo đúng quy hoạch của địa phương

5. Không còn hộ ở trong nhà tạm, giữ gìn vệ sinh phòng bệnh; nhà ở ngăn nắp, khuôn viên nhà xanh - sạch - đẹp; sử dụng nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh để sinh hoạt.

6. Nhà tắm, hố xí và chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, không làm ảnh hưởng đến các hộ dân lân cận và đảm bảo đạt 3 sạch (sạch nhà – sạch bếp – sạch ngõ).

7. 100 % số người trong hộ có bảo hiểm y tế.

8. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên đạt từ 90% trở lên; có ít nhất 40% lao động trong hộ có việc làm qua đào tạo.

IV. Tuyên truyền 09 tiêu chí đạt huyện nông nông thôn

1. Tiêu chí quy hoạch

1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố công khai.

1.2. Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

2. Tiêu chí giao thông

2.1. Đường bộ

a) Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

b) Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

c) Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

d) Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

2.2. Đường thủy (nếu có): Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

2.3. Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

3. Tiêu chí thủy lợi

3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

3.2. Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

4. Tiêu chí điện

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

5. Tiêu chí y tế - văn hóa - giáo dục

5.1. Bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn huyện hoặc Trung tâm Y tế có giường bệnh được công nhận từ hạng 3 trở lên.

5.2. Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia hoặc Trung tâm Y tế không có giường bệnh, có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đủ theo quy định của Bộ Y tế cho Trung tâm Y tế dự phòng tuyến huyện.

5.3. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (thị trấn, phường) có hiệu quả theo quy định.

5.4. Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

6. Tiêu chí sản xuất

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất theo quy định 1 trong 2 yêu cầu sau:

6.1. Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện:

a) Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững.

c) Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 80%; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa đạt trên 80%.

6.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ít nhất 10% sản lượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

7. Tiêu chí môi trường

7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

7.2. 100% cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

8. Tiêu chí an ninh, trật tự xã hội

8.1. Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

8.2. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

8.3. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước.

8.4. Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

9. Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

9.1. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện thường xuyên được kiện toàn, hoạt động đúng quy định.

9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

V. Trách nhiệm của nhà nước và người dân trong xây dựng nông thôn mới

Tiêu chí số 1: Quy hoạch

- Sở Xây dựng theo dõi, hướng dẫn các xã công tác lập, quản lý, điều chỉnh, thực hiện quy hoạch xã nông thôn mới; hàng năm chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tỉnh có liên quan và Ban Chỉ đạo cấp huyện đánh giá tiêu chí quy hoạch; đảm bảo các xã luôn giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí theo quy định.

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT (*Phòng Kinh tế*), kinh tế - hạ tầng, Kế hoạch - Tài chính... thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các xã thực hiện đúng theo quy hoạch; thẩm định, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; phối hợp Sở Xây

dựng và các đơn vị liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã tuyên truyền, tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án đã được duyệt; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị cấp trên công nhận.

- Người dân thực hiện đúng theo nội dung của các quy hoạch, đề án được phê duyệt, tuân thủ mốc chỉ giới quản lý các công trình hạ tầng như: giao thông, thủy lợi, điện, viễn thông, cấp thoát nước...

Tiêu chí số 2 - 3: Giao thông - Thủy lợi

- Sở Giao thông, Vận tải phối hợp thực hiện hoàn thành nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn 85 xã đạt tiêu chuẩn quy định của Chương trình nông thôn mới; chủ trì triển khai thực hiện Đề án Giao thông nông thôn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở ngành có liên quan và địa phương đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách huy động nguồn lực đầu tư cho công trình giao thông; hướng dẫn địa phương áp dụng định mức, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, giám sát, nghiệm thu, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì các công trình giao thông nông thôn theo quy định chuyên ngành; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí số 2 về giao thông của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng điều phối nông thôn mới theo dõi, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung của tiêu chí thủy lợi; đầu tư các công trình, dự án lồng ghép theo phân cấp; tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi; thường xuyên nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả; không để xảy ra ô nhiễm, thiếu hụt nguồn nước; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện:

+ Chỉ đạo các ban ngành huyện, UBND các xã triển khai các dự án giao thông, thủy lợi theo phân cấp do ngành huyện và UBND các xã làm chủ đầu tư; phối hợp thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng giao thông, thủy lợi do Trung ương, tỉnh làm chủ đầu tư.

+ Phát động phong trào toàn dân cùng tham gia xây dựng giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng; Quy chế duy tu bảo quản công trình; vận động nhân dân hiến đất, đóng góp công lao động, tiền vốn xây dựng công trình.

+ Phối hợp Sở Giao thông, Vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã thực hiện và phối hợp thực hiện các dự án đầu tư về giao thông, thủy lợi trên địa bàn xã; tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp tiền, ngày công, hiến đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án; đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân tham gia hiến đất làm đường giao thông nông thôn; nạo vét kênh mương thủy lợi nội đồng (*kênh cấp 4*); tùy vào khả năng đóng góp tiền, ngày công lao động; cử đại diện tham gia giám sát thi công các công trình trên địa bàn; sử dụng công trình theo quy chế, đóng góp vào quỹ cải tạo, sửa chữa công trình.

Tiêu chí số 4: Điện

- Sở Công thương thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định; vận động các doanh nghiệp Điện lực lập kế hoạch hoàn thiện hệ thống công trình điện đảm bảo cung cấp điện đạt yêu cầu kỹ thuật, an toàn; nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn các xã.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát hiện trạng tiêu chí điện; đề xuất, nhu cầu đầu tư xây dựng công trình nhằm nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt và phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn; phối hợp Sở Công thương và các đơn vị liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất nhu cầu đầu tư các công trình điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt; vận động dân giải phóng mặt bằng thi công công trình khi được triển khai; tuyên truyền người dân sử dụng điện an toàn; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân thực hiện tốt các chủ trương thu hồi đất xây dựng công trình điện; hưởng ứng phong trào hiến đất xây dựng công trình do địa phương phát động; sử dụng điện phải an toàn, tiết kiệm; tham gia bảo vệ hành lang an toàn lưới điện, không tự ý câu nối điện bên ngoài đồng hồ điện.

Tiêu chí số 5: Trường học

- Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nội dung của tiêu chí; tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giáo dục, hoàn thành Đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên các công trình, dự án lồng ghép khác đề đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học theo phân cấp; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện bố trí quỹ đất trường học đảm bảo đủ diện tích theo quy định và chỉ đạo các phòng chuyên môn đầu tư lồng ghép các công trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các điểm trường học đạt chuẩn; cùng các Ban, ngành tỉnh vận động, tạo điều kiện kêu gọi đóng góp xây dựng trường học của các Tổ chức trong và ngoài nước, mạnh thường quân...; Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã phối hợp triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị; tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố cấp quyền sử dụng đất cho các điểm trường; chỉ đạo các lực lượng tại địa phương giữ gìn trật

tự, tạo mỹ quan ở các điểm trường học; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân hưởng ứng chủ trương thu hồi đất, hiến đất xây dựng các công trình trường học, góp phần giữ gìn vệ sinh, mỹ quan xung quanh trường học.

Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hoá

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu về văn hóa như: đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (*nhà văn hóa*) thiết chế văn hóa - thể thao cho xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các ấp văn hóa trên địa bàn các xã đảm bảo phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện thực hiện kế hoạch đầu tư, nâng cấp trụ sở UBND xã bảo đảm đạt yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý; chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn các xã lồng ghép các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hoá, thể thao và du lịch (*nếu có*); phối hợp Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã đề xuất nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình văn hóa xã, ấp, phối hợp và vận động dân thực hiện giải phóng mặt bằng; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân hưởng ứng hiến đất, đóng góp bằng tiền, ngày công vào các công trình sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao xã, ấp; cử đại diện vào Ban giám sát cộng đồng; sử dụng, bảo quản công trình sau khi hoàn thành.

Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Sở Công thương triển khai thực hiện Đề án phát triển thương mại nông thôn của tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020; trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi vốn đầu tư từ ngân sách cho các dự án chợ nông thôn, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng và khai thác chợ nông thôn, chợ 135, chợ truyền thống trong tỉnh; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn đánh giá thực trạng và hỗ trợ các xã lồng ghép các công trình, dự án đầu tư xây dựng chợ nông thôn, khai thác có hiệu quả các chợ đầu tư thuộc Chương trình 135; phối hợp Sở Công thương và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã chủ động đề xuất và triển khai thực hiện các công trình, dự án theo phân cấp được giao; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân hưởng ứng chủ trương thu hồi đất để đầu tư xây dựng chợ nông thôn; các hộ tiểu thương, hộ buôn bán tham gia chung sức xây dựng chợ đạt chuẩn văn minh.

Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện các nội dung của tiêu chí; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khác theo phân cấp; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện rà soát hiện trạng các điểm bưu chính, viễn thông theo yêu cầu của bộ tiêu chí; đề xuất cơ quan chuyên ngành tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ thực hiện ở những địa điểm cần thiết; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã phối hợp với các Tổ chức chính trị, đoàn thể tuyên truyền vận động, hướng dẫn nhân dân tham gia sử dụng các phương tiện truyền thông như điện thoại và internet theo quy định; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân và các cơ sở tự sử dụng các phương tiện truyền thông như: Điện thoại và internet một cách có hiệu quả vào mục đích học tập, sinh hoạt để ứng dụng vào đời sống và sản xuất theo đúng quy định của pháp luật.

Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư

- Sở Xây dựng hướng dẫn, tổ chức thực hiện tiêu chí; triển khai thực hiện hoàn thành Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hướng dẫn định mức tiêu chuẩn, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán vùng nông thôn; thường xuyên phối hợp kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các xã rà soát hiện trạng nhà ở dân cư nông thôn, hướng dẫn các xã lồng ghép các dự án hỗ trợ đầu tư nhà ở vào đề án xây dựng xã nông thôn mới; vận động và tranh thủ sự hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để đầu tư hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát; chỉ đạo các xã phối hợp và thực hiện tốt nhiệm vụ để đạt tiêu chí quy định; phối hợp Sở Xây dựng và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã rà soát, đánh giá thực trạng về tiêu chí nhà ở; vận động dân tự đầu tư xây mới, chỉnh trang nhà ở đạt chuẩn; vận động các doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ đầu tư xóa nhà tạm, dột nát; phối hợp với các đoàn thể tham gia triển khai thực hiện các dự án nhà ở, khu vệ sinh theo quy định; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân xây mới hoặc chỉnh trang nhà ở theo đúng quy hoạch, khu chuồng trại chăn nuôi cách nhà tối thiểu 10m, xây hầm biogas hoặc thu gom xử lý phân, nước thải chăn nuôi theo quy định; trồng cây xanh trong khuôn viên sân vườn, làm hàng rào cây xanh trước nhà; xây dựng các công trình nhà vệ sinh, nhà tắm, rãnh thoát nước để phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Tiêu chí số 10: Thu nhập

- Cục Thống kê tỉnh hướng dẫn phương pháp đánh giá mức thu nhập hàng năm của các xã và thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã.

- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Khoa học và Công nghệ phối hợp các ban, ngành đoàn thể hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch, đề án tái cơ cấu nông nghiệp, đề án chuyên ngành nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, phát triển thương mại dịch vụ nông thôn; đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất... nhằm nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Sở Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới và ngành nghề nông thôn; phối hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; triển khai thực hiện các chương trình, dự án do ngành phụ trách nhằm nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh; kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản; giảm tổn thất trong và sau sản xuất...

- UBND cấp huyện chỉ đạo các xã hướng dẫn người dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, giảm tổn thất trong và sau sản xuất; chú trọng bảo tồn và phát triển làng nghề; phát triển mỗi xã, phường một sản phẩm đặc thù; phối hợp Cục Thống kê và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã, ấp tổ chức họp dân phổ biến các nội dung quy hoạch sản xuất để người dân nắm để có định hướng sản xuất phù hợp; đồng thời thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ của các chương trình, dự án, các nguồn vốn được vay tín dụng theo chính sách và mức vốn đối ứng của hộ. Nắm bắt thông tin thị trường và định hướng phát triển để khuyến cáo người dân và các tổ hợp tác, hợp tác xã lựa chọn các cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm từ tiểu thủ công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và có sức cạnh tranh trên thị trường; phối hợp và tổ chức thực hiện tốt các giải pháp nâng cao thu nhập cho người dân; tuyên truyền để người dân nhận thức đầy đủ về tiêu chí, chủ động nắm bắt các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quyết định đầu tư thêm các ngành nghề mới, chọn ngành hàng sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân chủ động hợp tác, nắm bắt thông tin thị trường và tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng cây, con giống mới áp dụng vào sản xuất để tăng thu nhập, phát triển sản xuất đúng định hướng quy hoạch.

Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh thực hiện

CTMT việc làm & dạy nghề, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; chỉ đạo, theo dõi và hướng dẫn rà soát, đánh giá tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã.

- Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, theo dõi và phối hợp thực hiện các dự án thuộc các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc Khmer.

- UBND cấp huyện triển khai và phối hợp với các ngành tỉnh thực hiện tốt các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu, Chương trình MTQG, đề án thuộc các lĩnh vực: dạy nghề, giảm nghèo, giải quyết việc làm... để nâng cao thu nhập góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo; chỉ đạo các xã hàng năm điều tra và bình xét hộ nghèo đúng quy định.

- Cấp xã phân công Đảng viên kèm cặp, hướng dẫn giúp đỡ các hộ dân lân cận có kế hoạch và thời gian phấn đấu đạt các tiêu chí hộ nông thôn mới; đồng thời phấn đấu hàng năm mỗi Đảng viên giúp được ít nhất một hộ lân cận thoát nghèo.

- Người dân: Các hộ từ trung bình trở lên hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ cho các hộ nghèo cách làm ăn vươn lên thoát nghèo; các hộ nghèo phải biết cách sắp xếp, bố trí sản xuất phù hợp với điều kiện của nông hộ, đồng thời phải tìm kiếm các công việc làm thêm để tăng thu nhập.

Tiêu chí số 12: Lao động có việc làm

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp Cục Thống kê tỉnh hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã điều tra đánh giá lại số lao động trong độ tuổi có việc làm trên địa bàn, giới thiệu và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động có nhu cầu; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đảm bảo đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí; xác định cụ thể các ngành nghề cần phát triển trên địa bàn của các xã để có định hướng đầu tư; phối hợp Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã thực hiện và phối hợp thực hiện các chương trình, dự án và kế hoạch phát triển ngành nghề; xác định các ngành nghề có khả năng phát triển trên địa bàn các xã để khuyến khích phát triển góp phần giải quyết thêm việc làm cho nông thôn; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân tích cực tham gia các lớp đào tạo nghề; chuyển đổi nghề hoặc làm thêm các ngành nghề phụ ngoài nghề nông nghiệp tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập.

Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên minh Hợp tác xã và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ cách

đánh giá hiệu quả các hợp tác xã, tổ hợp tác; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Liên minh Hợp tác xã tổ chức tập huấn cho cán bộ HTX, tổ hợp tác; thành lập THT, HTX; xây dựng các mô hình HTX kiểu mới, tổ hợp tác, liên kết sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các ngành tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức trong nội bộ và nhân dân về các loại hình sản xuất HTX, tổ hợp tác, trang trại, liên kết kinh tế trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xây dựng đề án phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại của địa phương, tranh thủ các chính sách ưu đãi của tỉnh và Trung ương để hỗ trợ cho các HTX, tổ hợp tác, trang trại sản xuất nông nghiệp từng bước phát triển; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã khuyến khích và vận động người dân tham gia các loại hình kinh tế hợp tác và liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân hưởng ứng các chủ trương liên kết sản xuất, tham gia các loại hình kinh tế hợp tác.

Tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo

- Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phổ cập giáo dục trung học và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*); tổ chức thực hiện các chương trình, dự án theo phân cấp; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định.

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn xác định tỉ lệ lao động đã qua đào tạo; tổ chức thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng chức năng và UBND các xã điều tra nắm nhu cầu đào tạo nghề, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động theo Đề án đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đạt chuẩn về phổ cập giáo dục; huy động trẻ đến trường của địa phương; phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã hàng năm điều tra nắm nhu cầu cần đào tạo nghề để đề nghị mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phối hợp tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề cho người dân; đồng thời, khuyến cáo các hộ gia đình đưa con em đi học đúng độ tuổi, không nên cho con em nghỉ học giữa chừng; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân đưa trẻ đến các trường học mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học... cùng với nhà trường, xã hội trong việc giáo dục con em; tham gia các lớp đào tạo nghề nông nghiệp để tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, liên kết sản xuất nhằm tăng thu nhập cho chính mình hoặc

tham gia các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp để chuyển đổi nghề nghiệp theo nguyện vọng của bản thân.

Tiêu chí số 15: Y tế

- Sở Y tế phối hợp, hướng dẫn, tổ chức thực hiện nội dung tiêu chí; phối hợp Bảo hiểm xã hội vận động, tuyên truyền để người dân tham gia bảo hiểm; tổ chức thực hiện CTMT về y tế, chỉ đạo đầu tư xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và đầu tư các chương trình, dự án khác theo phân cấp; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện và xã phối hợp với các Tổ chức chính trị và đoàn thể vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế; phối hợp thực hiện và duy trì hoạt động các trạm y tế đảm bảo đạt chuẩn quy định; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã.

- Người dân tham gia chăm sóc sức khỏe y tế ban đầu và sức khỏe sinh sản, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng; tham gia mua bảo hiểm y tế tự nguyện.

Tiêu chí số 16: Văn hoá

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện công nhận, tái công nhận ấp văn hóa theo quy định; triển khai thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, thủ tục công nhận danh hiệu xã, phường, thị trấn văn hóa; tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận xã đạt chuẩn Xã Văn hóa, xã nông thôn mới; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện phối hợp với các đoàn thể chỉ đạo các xã tổ chức thực hiện Đề án xây dựng xã văn hóa, hàng năm đánh giá mức độ đạt được theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành và bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; phối hợp Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã hàng năm điều tra đánh giá hộ đạt gia đình văn hóa và hộ nông thôn mới; thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị huyện công nhận.

- Người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xây dựng kế hoạch cụ thể của hộ về mốc thời gian đạt từng tiêu chí, phấn đấu đạt và giữ vững danh hiệu gia đình văn hóa, nông thôn mới.

Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung về cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, cơ sở chăn nuôi, cơ sở trong làng nghề thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường; xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; chất thải của các cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường; các hộ dân trên địa bàn bỏ rác thải đúng nơi quy định, không vứt rác ra đường phố; tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì triển khai các nhiệm vụ Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đầu tư các dự án cấp nước tập trung, dự án trồng rừng và trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, phối hợp Sở Y tế kiểm tra, đánh giá hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Sở Y tế chủ trì triển khai kiểm tra, đánh giá hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm;

- UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác định các cơ sở sản xuất đạt chuẩn môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường; lồng ghép các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường vào xây dựng nông thôn mới; phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở, ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã phối hợp và tổ chức thực hiện các Chương trình, dự án theo các nội dung của tiêu chí; căn cứ hướng dẫn, thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân sử dụng nước sạch theo phát động của chính quyền, đoàn thể; tham gia tổng vệ sinh; phát quang bụi rậm, trồng cây xanh tạo cảnh quan sinh thái, xây dựng hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; tích cực tham gia bảo vệ môi trường, nguồn nước, bảo vệ rừng; gia đình khi có người thân qua đời thực hiện chôn cất tại nghĩa trang nhân dân hoặc hỏa táng theo phong tục, hạn chế chôn cất trên đất nhà; hộ gia đình có cơ sở sản xuất kinh doanh, thực phẩm phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

- Sở Nội vụ thực hiện Đề án đào tạo cán bộ xã đạt chuẩn, tiếp tục thực hiện đề án thu hút cán bộ, trí thức về nông thôn; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định. Sở Tư pháp hướng dẫn địa phương thực hiện đảm bảo các xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật.

- UBND cấp huyện chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo tuyển dụng, đề bạt cán bộ đúng quy định; có kế hoạch đào tạo kiến thức, kỹ năng cán bộ xã thực hiện Chương trình; chỉ đạo củng cố và duy trì hệ thống chính trị xã đạt chuẩn; phối hợp Sở Nội vụ và Sở, ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND xã xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả theo kế hoạch đề ra; đồng thời, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân; căn cứ hướng dẫn, thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân tham gia cùng chính quyền địa phương thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp ý kiến trong xây dựng Đảng, xây dựng

chính quyền; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật để xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp.

Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh

- Bộ Chỉ huy quân sự và Công an tỉnh phối hợp hướng dẫn thực hiện tiêu chí, nhằm xây dựng xã nông thôn mới vững mạnh về quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự địa phương; thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của các xã, đúng theo quy định.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo đạt kết quả tốt; phối hợp Công an tỉnh và Sở ngành liên quan tổ chức, đánh giá, quyết định công nhận tiêu chí đạt của các xã.

- UBND các xã chủ trì, phối hợp với các đoàn thể vận động nhân dân tham gia cùng với chính quyền địa phương các cấp quản lý, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng và quân sự địa phương; căn cứ hướng dẫn, thực hiện, đánh giá mức độ đạt tiêu chí của xã và đề nghị công nhận.

- Người dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không tham gia các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; có ý thức phòng cháy chữa cháy, an toàn khi tham gia giao thông, an toàn trong lao động; không để kẻ xấu lợi dụng, kích động tụ tập, khiếu kiện đông người; hộ dân, tổ nhân dân tự quản phân đấu đạt an toàn về an ninh trật tự; tự giác tham gia nghĩa vụ quân sự khi được gọi.

Phần II

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ KINH TẾ HỢP TÁC

I. Tài liệu tuyên truyền về Hợp tác xã

1 Khái niệm về hợp tác xã

1.1. Tại sao phải tham gia hợp tác xã?

Tham gia hợp tác xã nhằm mục đích:

- Tương trợ nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng quy mô sản xuất.
- Mở rộng quy mô về vốn.
- Mua chung, bán chung để gia tăng lợi ích.
- Từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.2. Định nghĩa về hợp tác xã

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do **ít nhất 07 thành viên** tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

1.3. Bộ máy của hợp tác xã

- Bộ máy quản lý (Hội đồng quản trị).
- Bộ máy điều hành (Ban giám đốc).

1.4. Vai trò của thành viên hợp tác xã

- Thành viên vừa là chủ sở hữu (tham gia góp vốn).
- Thành viên vừa là khách hàng (sử dụng các dịch vụ của HTX).

1.5. Điều kiện tham gia hợp tác xã

- Công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hộ gia đình có người đại diện hợp pháp; tổ chức là pháp nhân Việt Nam.

- Có nhu cầu hợp tác với các thành viên và nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã.

- Có đơn tự nguyện gia nhập và tán thành điều lệ.

- Góp vốn.

- Điều kiện khác theo quy định của điều lệ hợp tác xã.

1.6. Chấm dứt tư cách thành viên khi

Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong thời gian liên tục theo quy định của điều lệ nhưng không quá 03 năm. Đối với hợp tác xã tạo việc làm, thành viên không làm việc trong thời gian liên tục không quá 02 năm.

1.7. Giá trị của Hợp tác xã

- Tự giúp.
- Bình đẳng.
- Công bằng.
- Đoàn kết.
- Dân chủ.
- Tự chịu trách nhiệm.

1.8. Góp vốn

- *Vốn góp tối thiểu* là số vốn mà cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân phải góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để trở thành thành viên, hợp tác xã thành viên. **(Điều 4, khoản 2).**

- Đối với hợp tác xã, vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của điều lệ nhưng không quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã.

- Thời hạn, hình thức và mức góp vốn theo quy định của điều lệ, nhưng thời hạn góp đủ vốn không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày được kết nạp.

- Khi góp đủ vốn, thành viên được cấp giấy chứng nhận vốn góp **(Điều 17, khoản 1,3,4).**

- *Vốn góp tối thiểu* là số vốn mà cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân phải góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để trở thành thành viên, hợp tác xã thành viên. **(Điều 4, khoản 2).**

- Đối với hợp tác xã, vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của điều lệ nhưng không quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã.

- Thời hạn, hình thức và mức góp vốn theo quy định của điều lệ, nhưng thời hạn góp đủ vốn không vượt quá 06 tháng, kể từ ngày được kết nạp.

- Khi góp đủ vốn, thành viên được cấp giấy chứng nhận vốn góp. **(Điều 17, khoản 1,3,4).**

1.9. Chuyển nhượng vốn góp

- Hợp tác xã trả lại vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn vượt quá mức vốn góp tối đa.

- Trường hợp thành viên là cá nhân chết thì người thừa kế nếu đáp ứng đủ điều kiện của Luật và điều lệ, tự nguyện tham gia HTX thì trở thành thành viên và tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên; nếu không thì được hưởng thừa kế theo pháp luật.

- Trường hợp thành viên là cá nhân không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì vốn góp được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trả lại và thừa kế vốn góp (không chuyển nhượng) (Điều 18).

1.10. Phân phối thu nhập hợp tác xã theo phương thức kép: Theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ và theo vốn góp:

Điều 46, Luật Hợp tác xã quy định: “Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật, thu nhập của hợp tác xã được phân phối như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ không thấp hơn 20% trên thu nhập; trích lập quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ không thấp hơn 5% trên thu nhập.

- Trích lập các quỹ khác do đại hội thành viên quyết định.

- Thu nhập còn lại được phân phối cho thành viên, hợp tác xã thành viên theo nguyên tắc sau đây:

+ Chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, theo công sức lao động đóng góp của thành viên đối với hợp tác xã tạo việc làm.

+ Phần còn lại được chia theo vốn góp.

+ Tỷ lệ và phương thức phân phối cụ thể do điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định.

+ Thu nhập đã phân phối cho thành viên là tài sản thuộc sở hữu của thành viên. Thành viên có thể giao thu nhập đã phân phối cho hợp tác xã quản lý, sử dụng theo thỏa thuận với hợp tác xã.

1.11. Tỷ lệ cung ứng ra bên ngoài

Tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho **khách hàng không phải thành viên** do điều lệ hợp tác xã quy định, nhưng:

- Không quá 32% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp;
- Không quá 50% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ đối với lĩnh vực phi nông nghiệp;
- Tiền lương trả cho người lao động không phải là thành viên không quá 30% tổng tiền lương đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm. (**Điều 5, ND 193/2013/ND-CP**)

12. Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX.

- Điều lệ của hợp tác xã.

- Phương án sản xuất kinh doanh.

- Danh sách thành viên.

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.

- Nghị quyết của hội nghị thành lập.

➡ Cơ quan đăng ký hợp tác xã không được yêu cầu hợp tác xã nộp thêm bất kỳ giấy tờ nào khác

➡ Hợp tác xã phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực về những nội dung đã kê khai trong hồ sơ.

2. Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã

2.1. Chính sách hỗ trợ chung

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

- Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.

- Tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

- Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Thành lập mới hợp tác xã.

2.2. Chính sách ưu đãi

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.

- Ưu đãi lệ phí đăng ký HTX theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Miễn thuế TNDN đối với HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Miễn thuế TNDN đối với hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối của HTX.

- Miễn thuế TNDN đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.

- Miễn thuế TNDN đối với TN đưa vào tài sản không chia của HTX.

- Thuế suất thuế TNDN 10% đối với HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp khác.

- *Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%.*

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.

- Miễn thuế TNDN đối với TN đưa vào tài sản không chia của HTX.
- Thuế suất thuế TNDN 10% đối với HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp khác.
- *Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng áp dụng thuế suất 20%.*

II. Tuyên uyền về Tổ hợp tác

1. Vai trò, tầm quan trọng của Tổ hợp tác trong sản xuất, kinh doanh

Tham gia tổ hợp tác nhằm mục đích:

- Tương trợ nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng quy mô sản xuất.
- Mở rộng quy mô về vốn.
- Mua chung, bán chung để gia tăng lợi ích.
- Từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm.

2. Định nghĩa về Tổ hợp tác

Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

3. Bộ máy của Tổ hợp tác

- Trưởng ban điều hành là Tổ trưởng tổ hợp tác là người điều hành công việc chung của tổ hợp tác.

- Phó ban điều hành do trưởng ban chỉ định, số lượng do các tổ viên thỏa thuận giúp việc cho trưởng ban điều hành các hoạt động của tổ hợp tác.

- Thư ký là thành viên Tổ hợp tác, không có bà con dòng tộc với trưởng ban điều hành (cha mẹ, anh chị, chú bác, cô cậu...), thư ký do hội nghị thành viên bầu trực tiếp.

4. Điều kiện tham gia Tổ hợp tác

Cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tự nguyện tham gia và tán thành các nội dung của hợp đồng hợp tác đều có thể trở thành thành viên tổ hợp tác. Một cá nhân có thể là thành viên của nhiều tổ hợp tác;

Hợp đồng hợp tác có thể quy định thêm về các tiêu chuẩn khác đối với tổ viên tổ hợp tác.

5. Qui trình thành lập Tổ hợp tác

Bước 1: Thăm dò, chuẩn bị

Một hoặc một số cá nhân hoặc một tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, hội, hiệp hội có ý định thành lập tổ hợp tác với vai trò là

Người khởi xướng sẽ tiến hành các công việc thăm dò và chuẩn bị để dẫn đến việc thành lập tổ hợp tác.

Bước 2: Hợp thành lập tổ hợp tác

- Bầu Tổ trưởng, Ban điều hành
- Thảo luận, bổ sung, chỉnh sửa và thông qua Quy chế tổ
- Thảo luận, bổ sung, chỉnh sửa và thông qua kế hoạch hoạt động của tổ

Bước 3: Hoàn thiện hồ sơ tổ hợp tác

Bước này cần sự tham gia của toàn bộ những người sẽ trở thành thành viên của THT trong tương lai, trong đó có một người chủ trì, một thư ký để điều phối và ghi chép các buổi họp nhằm xây dựng qui chế cho THT; phương án sản xuất kinh doanh (nếu có) và các đơn từ khác.

* Một hồ sơ đầy đủ cả THT gồm

- Đơn đề nghị UBND cấp xã chứng thực cho THT hoạt động.
- Qui chế tổ hợp tác

Lưu ý: Hồ sơ trước khi đưa lên xã chứng thực cần in (phô tô) ra 02 bản quy chế của tổ hợp tác.

Bước 4: Chứng thực của chính quyền địa phương

- UBND cấp xã sau khi kiểm tra hồ sơ của tổ hợp tác nếu thấy phù hợp với pháp luật thì có trách nhiệm chứng thực bằng cách ký tên và đóng dấu vào quy chế của tổ hợp tác.

- UBND xã lưu giữ 01 bản, 01 bản gửi về cho tổ hợp tác.

6. Chấm dứt tư cách thành viên khi

Hết thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác.

Tổ hợp tác chấm dứt theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những trường hợp do tổ hợp tác vi phạm pháp luật.

Phần 3

CÁC VĂN BẢN THAM KHẢO

- Luật Hợp tác xã 2012.
- Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
- Nghị quyết số 56/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh, sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 – 2020 (*thay thế Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 ban hành chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020*).
- Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính Phủ Về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.
- Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020.
- Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa, nông thôn mới”; “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.